TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HS-ST
Ngày 12-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hồ Như Thiêm, bà Bàn Thị Ba.

- Thư ký phiên toà: bà Đặng Lê Thuý Ngà - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: ông Ấu Bá Lãng, ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2), địa chỉ: số C đường T, phường H, tỉnh Tuyên Quang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2025/TLST-HS ngày 06/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HS ngày 08/10/2025 đối với các bị cáo:

1. Hờ Mí C, sinh ngày 05/9/1993 tại xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hờ Mí S và bà Sùng Thị M, sinh năm 1963 (đều đã chết); có vợ là Lầu Thị M1, sinh năm 1995 có 04 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Thẻ CCCD số 002093010065 do Cục C2 về TTXH, Bộ C3 cấp ngày 13/3/2023; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2025; có mặt.

2. Thò Mí S1 sinh ngày 01/01/1985 tại xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn L, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Dũng S2, sinh năm 1965 và bà Vừ Thị D, sinh năm 1958 (đều đã chết); có vợ là Ly Thị D1, sinh năm 1994 và 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Thẻ CCCD số 002085004214 do Cục C2 về TTXH, Bộ C3 cấp ngày 11/8/2021; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2025; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1:* bà Nguyễn Thị Lan H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H (nay là tỉnh Tuyên Quang); có mặt.

- *Người làm chứng:* anh Sình Mí N, chị Ly Thị D1, anh Sình Mí L, chị Ly Thi X, chị Và Thị P, chị Lầu Thị M1, anh Ly Mí D2, anh Hờ Mí L1 (vắng mặt không có lý do).

- *Người phiên dịch:* anh Vừ Mí C1, sinh năm 2003; dân tộc: Mông; địa chỉ: thôn M, xã P, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Sình Mí L (*tên thường gọi là Sình Mí P1*), sinh năm 2003, trú tại thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang), đi Trung Quốc làm thuê cho một người đàn ông tên là Sùng V, khoảng 31 tuổi (*L không biết địa chỉ cụ thể*), công việc làm bàn ghế, tiền công 100CNY/01 ngày, tại đây Ly làm thuê khoảng hơn hai năm thì quay về Việt Nam.

Khoảng tháng 03/2021, L có ý định tiếp tục đi làm thuê cho Sùng V, L đã liên hệ với Sùng V qua tài khoản ứng dụng QQ (*Ly không nhớ ngày cụ thể*) với mục đích hỏi Sùng V có thuê người làm nữa không, Sùng V cho biết vẫn nhận người làm thuê, khi nào L đi thì Sùng V sẽ đến biên giới đón, L nói khoảng 02 đến 03 ngày nữa sẽ đi. Cũng cùng ngày, L nói chuyện với vợ chồng Sình Mí N, Ly Thị X1 và vợ chồng Hờ Mí L1, Và Thị P (*đều là anh em sinh sống chung một nhà, trong đó N là em trai ruột của L, còn L1 là em trai cùng mẹ khác bố với L*) về việc L sẽ đi Trung Quốc làm thuê, thấy vậy Sình Mí N và Hờ Mí L1 hỏi đi làm thuê ở Trung Quốc là làm công việc gì, tiền công được trả thế nào, L cho biết công việc là làm gỗ, chủ thuê lao động trả tiền đầy đủ, cần tiền tiêu thì chủ thuê lao động cho ứng trước, khi nào về thì chủ thuê lao động mới trả hết tiền, nghe L nói vậy Sình Mí N, Hờ Mí L1 nói với L cho vợ chồng N và vợ chồng L1 cùng đi Trung Quốc làm thuê. Ngay sau đó, L gọi điện thoại cho Sùng V để hỏi Sùng V có nhận thêm người làm thuê không vì có người nhà của L cũng muốn đi làm, Sùng V đồng ý và nói khi nào đi thì thông báo cho Sùng V biết để đón. Khoảng 02 ngày sau, Lầu Thị D3 và Lầu Thị M1 cư trú cùng thôn với L đến giúp gia đình L trồng ngô, qua nói chuyện được biết L sẽ đi Trung Quốc làm thuê nên D3 và M1 xin đi cùng L. Sau đó, L tiếp tục gọi điện qua ứng dụng QQ cho Sùng V nói L có thêm 02 em gái muốn đi làm thuê, V có nhận không, Sùng V đồng ý và thống nhất với L ngày mai đi.

Ngày hôm sau, trong khi đang ăn sáng cùng gia đình, trong đó có vợ chồng Sình Mí N, vợ chồng Hờ Mí L1 và vợ chồng Hờ Mí C (*C là anh trai cùng mẹ khác bố với L, sinh sống cùng nhà với L*), L cho biết ngày hôm nay sẽ đi Trung Quốc làm thuê, mọi người đều đồng ý. L bảo Hờ Mí C giúp tìm đường để đi Trung Quốc, C đồng ý. Sau khi ăn cơm xong, L gọi điện thoại cho Sùng V biết để đón, Sùng V cho biết Công an Trung Quốc cũng đang kiểm soát chặt chẽ nên đợi đến tối mới đi, Sùng V sẽ lái xe đến đón tại Trấn Điền B, P, Trung Quốc. Ngay sau đó, L đi đến nhà L và Lầu Thị M1 (*cách nhà L khoảng 150 mét*) thông báo cho D3, M1 biết chuẩn bị đi Trung Quốc làm thuê, rồi L quay về. L

gọi điện để Sùng V đi xem đường phía Trung Quốc và bảo Sùng V đến Trấn Điền B trước để đón người. Ngay sau đó, L tiếp tục nhờ C giúp xem đường đi Trung Quốc thì C đồng ý, để thuận tiện cho việc C trao đổi địa điểm đón người với Sùng V, L đưa chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen của L cho C và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh (*L không nhớ biển kiểm soát*) để C đi hỏi tìm đường đi Trung Quốc.

Do có quen biết nhau từ trước, C biết Thò Mí S1, trú tại thôn L, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang) thường đi lại khu vực biên giới nên C điều khiển xe mô tô một mình đến nhà S1, C gặp hai vợ chồng S1 ở nhà, tại đây Hờ Mí C nói muốn nhờ Sính đưa người nhà của C đi Trung Quốc làm thuê, C sẽ bảo chủ thuê lao động tại Trung Quốc trả tiền công cho S1, S1 đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở S1 đi theo đường bê tông hướng thôn S, xã T để xem đường đi Trung Quốc. Khi đi đến khu vực bãi đất trống mà người dân hay chơi tết ở đó thì S1 bảo C dừng lại rồi đi bộ theo đường mòn đến khu vực cột Mốc biên giới 465 Việt Nam - Trung Quốc. Tại đây, S1 nói với C là sẽ đưa người đi qua đường này để vượt biên đi Trung Quốc, sau đó, hai người quay về nhà S1.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, C gọi điện thoại thông báo cho Hờ Mí L1 biết đã nhờ được người dẫn đường, bảo L1 thông báo cho L và mọi người chuẩn bị đi đến nhà Thò Mí S1 để đi Trung Quốc làm thuê. Ngay sau đó, Hờ Mí L1 nhờ Ly Mí M2 (*cư trú cùng thôn với L1*) sử dụng xe mô tô chở hai vợ chồng L1 và Và Thị P; L đến nhà L, Lầu Thị M1 thông báo cho D3 và M1 biết chuẩn bị đi Trung Quốc, Lầu Thị D3 nhờ anh trai của D3 là Lầu Mí L2 (*sống cùng nhà với D3*) sử dụng xe mô tô để chở D3 và Lầu Thị M1; Sình Mí L nhờ Ly Mí D2 (*cư trú cùng thôn*) sử dụng xe mô tô chở L; Sình Mí N sử dụng xe mô tô của N chở Ly Thị X1. Sau khi mọi người đã tập trung tại khu vực gần nhà Sình Mí L, tất cả cùng nhau đi theo đường bê tông hướng đến trung tâm xã S rồi tiếp tục đi theo đường ô tô đến nhà S1, tại thôn L, X, M, Hà Giang; khi đến ngã ba xã X thì đã thấy C chờ ở đó. Sau đó, C đưa mọi người đến nhà S1. Tại đây, vợ chồng S1 nấu cơm cho mọi người ăn xong thì Sùng V gọi điện thoại hỏi C đi đến đâu rồi, C cho biết đã đến khu vực biên giới rồi nhưng đợi tối mới đi. C bảo Sùng V phải trả tiền công cho Thò Mí S1 là người dẫn đường, Sùng V đồng ý. Sau đó C đưa điện thoại cho Thò Mí S1 trao đổi với Sùng V thống nhất địa điểm đón tại khu vực biên giới phía bên Trung Quốc gần địa điểm mà người dân thường tập trung đến chơi Tết, thuộc địa phận thôn S, xã T, M, Sùng V hứa sẽ trả tiền công cho S1. Khoảng 18 giờ cùng ngày, S1, C bảo mọi người chuẩn bị đi Trung Quốc, S1 sử dụng xe mô tô của S1, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đ - Đen (*Sính không nhớ biển kiểm soát*) chở Lầu Thị D3 và Lầu Thị M1; Sình Mí N điều khiển xe mô tô chở Ly Thị X1; C điều khiển xe mô tô chở vợ chồng L1, P (*Ly Mí M2 ở lại nhà S1*), còn Sình Mí L và Ly Mí D2 sau khi ăn cơm xong đi chơi chưa về nhà Sính nên đã đi sau. Thò Mí S1 điều khiển xe mô tô dẫn đường đi theo hướng đường đến gần đến UBND xã T, M thì rẽ đi theo đường nhựa hướng đi thôn S, xã T rồi tiếp tục đi đến đoạn đường nhựa ở gần khu vực biên

giới thì tất cả dừng lại. Sính, C và N giấu xe mô tô bên cạnh đường, cùng lúc này D2 cũng chở L đến đây, sau đó D2 quay về. Thò Mí S1, Hờ Mí C dẫn đường đưa 07 người, gồm Sình Mí L, Sình Mí N, Ly Thị X1 (*vợ của N*), Hờ Mí L1, Và Thị P (*vợ của L1*), Lầu Thị D3, Lầu Thị M1 cùng nhau đi bộ theo đường mòn đi qua biên giới, trên đường Đ tiếp tục gọi điện cho C để giục mọi người đi nhanh. Khoảng 20 phút, sau khi đến khu vực biên giới, C, S1 và 07 người đi làm thuê gặp 02 người Trung Quốc đến đón (*trong đó có một người tên Sùng V*). Tại đây, 01 người đàn ông Trung Quốc đưa 07 người đi làm thuê lên xe ô tô, còn C và S1 nói chuyện với Sùng V, C bảo Sùng V đưa tiền công dẫn đường cho S1, Sùng V đưa cho Sính 400CNY (*bốn trăm nhân dân tệ*), S1 nhận tiền rồi cùng C quay về vị trí giấu xe mô tô để lấy xe mô tô quay về. Cơ và S1 mỗi người điều khiển một xe mô tô về nhà Sính ngủ, sáng ngày hôm sau S1 sử dụng xe mô tô của S1 chở C đi đến lấy xe mô tô của N mang về nhà S1. Khoảng 01 tuần sau, Sính mang 400CNY (*bốn trăm nhân dân tệ*) đến chợ xã X, M đổi thành tiền Việt được 1.320.000 đồng, số tiền này S1 đã chi tiêu vào việc cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 96/CT-VKSTQ-P1 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 xác nhận toàn bộ nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" là đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Hờ Mí C và Thò Mí S1 phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

2. Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hờ Mí C từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/5/2025).

Xử phạt bị cáo Thò Mí S1 từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/5/2025).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

4. Truy thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Thò Mí S1 số tiền là 400 Nhân dân tệ = 1.320.000 Việt Nam đồng.

5. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo, nhất trí với nội dung luận tội và kết luận của Kiểm sát viên về tội danh, áp dụng điều luật, án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 với mức hình phạt thấp nhất và miễn án phí cho các bị cáo. Về phía các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo biết hành vi của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, HĐXX thấy những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục tiến hành việc xét xử.

[3] Tại phiên toà bị cáo C và bị cáo S1 xác nhận về thời gian, địa điểm, số lần, số người mà các bị cáo tổ chức vượt biên sang Trung Quốc để làm thuê không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật như trong nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã công bố là hoàn toàn đúng với diễn biến hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, không bổ sung gì thêm, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, không mâu thuẫn, biên bản xác minh hiện trường, bản ảnh; biên bản nhận dạng người, bản ảnh nhận dạng người; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: vào tháng 3/2021 (không nhớ ngày), Hờ Mí C và Thò Mí S1 đã cùng nhau tổ chức cho 07 người gồm: Sình Mí L, Sình Mí N, Ly Thị X1, Hờ Mí L1, Và Thị P, Lầu Thị D3, Lầu Thị M1 cùng trú tại thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang)

vượt biên trái phép tại khu vực M, thuộc thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn S, xã S, tỉnh Tuyên Quang) sang Trung Quốc lao động trái phép. Hành vi của các bị cáo nêu trên đã phạm vào tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài", tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, cũng như nhân thân của bị cáo HĐXX thấy rằng: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại vào trật tự quản lý Nhà nước về xuất, nhập cảnh, gây mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại của Nhà nước ta với các nước có người Việt Nam trốn sang cư trú bất hợp pháp. Bị cáo Hờ Mí C khi được Sình Mí L nhờ người tìm đường vượt biên sang biên giới đã tích cực liên hệ với Thò Mí S1 tìm cách đưa người vượt biên nên có vai trò cao hơn bị cáo S1; bị cáo S1 là người thực hành tích cực và được hưởng lợi từ việc đưa người qua biên giới. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo C cao hơn bị cáo S1.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hồi cải; ngay sau khi bị phát hiện các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có các con còn nhỏ, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo C trình độ văn hoá thấp, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ các nhận định nêu trên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo, răn đe đối với người phạm tội và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[10] Đối với số tiền công mà bị cáo Thò Mí S1 nhận được từ S (*là chủ lao động người Trung Quốc*): tại phiên toà bị cáo S1 xác nhận đã nhận được số tiền công là 400 CNY từ S, sau đó Sính đến chợ xã X, M đổi thành tiền Việt Nam được 1.320.000 đồng, số tiền này S1 đã chi tiêu vào việc cá nhân hết. HĐXX xét thấy, đây là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo S1. Do đó, cần truy thu của bị cáo S1 số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Đối với Sình Mí L (Sình Mí P1) là người trực tiếp trao đổi liên hệ với chủ thuê lao động người Trung Quốc tên là Sùng V với mục đích đi Trung Quốc làm thuê cho Sùng V, qua trao đổi với những người đi cùng, biết L đi Trung

Quốc làm thuê nên những người này đã xin đi cùng với mục đích đi làm thuê, L không được hưởng lợi ích vật chất từ việc này. Quá trình làm thuê tại Trung Quốc, tháng 7/2021 Sình Mí L bị lực lượng chức năng Trung Quốc phát hiện bắt giữ về tội Tổ chức cho người khác vượt biên trái phép, ngày 16/02/2022 Sình Mí L đã bị Tòa án Nhân dân huyện Quảng Nam, tỉnh Vân Nam/Trung Q tuyên phạt 04 năm tù giam, phạt 1000 nhân dân tệ. Do vậy, Cơ quan ANĐT không xem xét về hình sự đối với Sình Mí L trong vụ án này là có căn cứ.

[12] Đối với chủ thuê lao động người Trung Quốc tên Sùng V: các bị cáo và những người đi Trung Quốc làm thuê không biết đầy đủ thông tin cá nhân, địa chỉ cụ thể của chủ thuê lao động người Trung Quốc tên Sùng V. Do vậy, Cơ quan ANĐT không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ nhân thân lai lịch, cũng như vai trò của Sùng Vả trong vụ án này.

[13] Đối với Ly Mí M2, Lầu M, Ly Mí D2 là người sử dụng xe mô tô chở những người đi Trung Quốc làm thuê, nhưng những người này chỉ được nhờ chở đi đến xã X, mà không biết mục đích đi Trung Quốc làm thuê. Do vậy, Cơ quan ANĐT không xem xét về hình sự đối với Ly Mí M2, Lầu M, Ly Mí D2 trong vụ án này.

[14] Đối với hành vi xuất cảnh trái phép của 07 công dân Sình Mí L, Sình Mí N, Ly Thị X1, Hờ Mí L1, Và Thị P, Lầu Thị D3, Lầu Thị M1 và các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1: do điều kiện gia đình khó khăn, để có thêm thu nhập cho gia đình nên đã đi Trung Quốc với mục đích làm thuê, nhưng không có giấy tờ theo quy định của pháp luật. Hành vi của 07 người đi Trung Quốc làm thuê và bị cáo C, S1 trong vụ án này đã vi phạm và điểm a khoản 3, điều 18, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý hành chính đối với 07 người đi Trung Quốc làm thuê và các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 trong vụ án này là có căn cứ.

[15] Đối với chiếc xe mô tô của Thò Mí S1 nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đỏ - Đen (*không nhớ biển kiểm soát*) sử dụng làm phương tiện để chở những Mỷ, D3 đi từ nhà S1 đến khu vực mốc biên giới 465 thuộc thôn S, xã T để vượt biên trái phép sang Trung Quốc, chiếc xe này S1 đã bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 5.000.000 đồng vào năm 2022, khi bán S1 không viết giấy tờ mua bán, nên Cơ quan ANĐT không có đủ cơ sở để truy tìm.

[16] Đối với chiếc xe mô tô, điện thoại của Sình Mí L (*Sình Mí P1*) có đặc điểm nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh, không nhớ biển kiểm soát và chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, chiếc xe máy khi đang lao động bên Trung Quốc, L nhờ C đã bán chiếc xe này đi, sau đó C đã bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ với giá 9.500.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại có đặc điểm là điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen chiếc điện thoại này L đã làm mất ở bên Trung Quốc, nên Cơ quan ANĐT không có đủ cơ sở để truy tìm là có căn cứ.

[17] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận để xem xét.

[18] Chấp nhận ý kiến, quan điểm và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo.

[19] Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên xét thấy cần miễn khoản tiền án phí cho các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1.

[20] Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hờ Mí C 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/5/2025).

2.2. Xử phạt bị cáo Thò Mí S1 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/5/2025).

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1 với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo Thò Mí S1 số tiền là 1.320.000 đồng.

4. Về án phí: miễn khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Hờ Mí C, Thò Mí S1.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại Tạm giam số 2, Công an tỉnh Tuyên Quang;
- PC01, PC02, PV06, PC10 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Toà HS, tổ HCTP, Phòng GĐKT,TT &THA, lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường